

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG RIỀNG
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 115/2023/DS - ST

Ngày: 17-5-2023

V/v “Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Văn Hôm

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Mẫn

2. Ông Trần Hoàng Trọng

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Đình Nguyên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 17 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 51/2023/TLST - DS ngày 07/03/2023 về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 140/2023/QĐXXST - DS ngày 05 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị T, sinh năm: 1972 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp Thạnh Xuân, xã Thạnh Hưng, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Bị đơn: Ông Võ Văn Phú E- Sinh năm: 1976 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Thạnh Trung, xã Thạnh Hưng, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa bà T là nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 16/02/2019, ông Phở E hỏi vay của tôi số tiền là 70.000.000 đồng để xoay sở chuyện làm ăn của gia đình, hẹn 06 tháng sau sẽ trả đủ. Lúc này vì nghĩ ông Phở E là chỗ quen biết, xóm giềng và lại là người ăn nói rõ ràng, có uy tín. Nên tôi tin tưởng và cho ông Phở E vay số tiền 70.000.000 đồng, với lãi suất là 3%/tháng. Khi nhận tiền của tôi ông Phở E có viết giấy nhận nợ cho tôi đề ngày 16/02/2019. Sau khi vay xong ông Phở E không có đóng lãi cho tôi, đến hạn trả tiền gốc thì ông không trả. Mặc dù đã rất nhiều lần tôi gặp ông Phở E yêu cầu thanh toán nợ nhưng ông chỉ hứa cho qua chuyện và để kéo dài mãi cho đến nay.

Xét thấy không thể tự giải quyết được với ông Phở E nữa, tôi yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Phở E trả số tiền nợ gốc là 70.000.000 đồng, tính lãi từ ngày 16/02/2019 cho đến khi kết thúc phiên Tòa theo mức lãi suất Ngân hàng qui định.

Tại bản khai ngày 11/4/2023 bị đơn ông Võ Văn Phở E tự khai như sau:

Ông Phở E thừa nhận số tiền vay gốc 70.000.000 đồng, ngày vay từ bà T. Đồng thời tại bản khai ông thống nhất trả tiền lãi là 15.000.000 đồng, cam kết 20 ngày sau sẽ trả đủ tiền cho bà T.

Ý kiến bà T: Tôi xác định đến nay ông Phở E chưa trả được nợ gốc, tiền lãi của số tiền trên. Tại phiên tòa hôm nay, tôi thay đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu ông Phở E trả lãi theo mức lãi suất pháp luật từ ngày 16/02/2019 cho đến khi kết thúc phiên Tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Nguyên đơn Bà Lê Thị T khởi kiện yêu cầu ông Võ Văn Phở E phải trả số tiền 70.000.000 đồng. Đây là tranh chấp liên quan đến tài sản theo quy định tại Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự.

Ông Phở E là bị đơn có nơi cư trú tại huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang. Căn vào khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông Phũ Etham gia tố tụng. Tuy nhiên ông Phũ Ecó đơn xin vắng mặt tại Tòa án. Nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông Phũ Etheo qui định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung vụ án, theo đơn khởi kiện bà T yêu cầu ông Phũ Etrả số tiền còn nợ 70.000.000 đồng theo biên nhận nợ ngày 16/02/2019. Bà T trình bày số tiền trên bà cho ông Phũ Evay mục đích làm ăn, lãi suất 3%/tháng. Tuy nhiên, sau khi vay ông Phũ Ekhông trả lãi cũng như thanh toán nợ gốc nên bà khởi kiện yêu cầu ông Phũ Ethực hiện nghĩa vụ trả nợ đối với bà. Quá trình thụ lý giải quyết vụ kiện, ông Phũ Ecó bản tự khai ngày 11/4/2023, thừa nhận còn nợ bà T số tiền trên, đồng thời cam kết trả nợ gốc và lãi cho bà nhưng không thực hiện là vi phạm nghĩa vụ tại Điều 280 của Bộ luật Dân sự. Xét thấy, các bên đương sự đã tự thừa nhận nợ với nhau nên có đủ căn cứ buộc ông Phũ Etrả số tiền trên cho bà T là phù hợp với qui định tại khoản 4 Điều 11; Điều 463; 466 của Bộ luật Dân sự.

Đối với yêu cầu tính lãi của số tiền vay gốc 70.000.000 đồng, theo mức lãi suất pháp luật từ ngày 16/02/2019 cho đến khi kết thúc phiên Tòa. Xét thấy giao dịch được xác lập với mục đích ban đầu giữa các đương sự là hợp đồng vay tài sản, nên nguyên đơn yêu cầu tính lãi đối với số tiền trên là hoàn toàn có căn cứ. Tuy nhiên, đối với mức lãi suất mà bà T yêu cầu 3%/tháng là quá cao so với qui định pháp luật. Tại phiên tòa hôm nay bà T thay đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu ông Phũ Etrả lãi của số tiền trên theo mức lãi suất pháp luật. Theo qui định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự *“Lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác”*. Quá trình khởi kiện tại Tòa án bà T, ông Phũ Ekhông xác định rõ lãi suất, thì xem như các bên đương sự có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự. Do đó Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng mức lãi suất 10%/năm đối với yêu cầu tính lãi của bà T là phù hợp với khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự. Cụ thể, thời gian yêu cầu tính lãi từ ngày 16/02/2019 đến 17/5/2023 là 1.552 ngày, cách tính lãi như sau:

$$\frac{70.000.000 \text{ đồng} \times 1.552 \text{ ngày} \times 10\%/năm}{365 \text{ ngày}} = 29.764.384 \text{ đồng}$$

Tổng cộng gốc và lãi ông Phủ Ephải trả cho bà T là 99.764.384 đồng. Kể từ ngày bà T có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

[3]. Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do yêu cầu của bà T được chấp nhận nên bà T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.750.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0007875, ngày 03/03/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng. Bị đơn ông Phủ Ephải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch của số tiền $99.764.384 \times 5\% = 4.988.219$ đồng (làm tròn là 4.988.000 đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Khoản 4 Điều 11, Điều 436, 466 của Bộ luật Dân sự;

Khoản 1, 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Bà Lê Thị T. Buộc ông Võ Văn Phủ Etrả cho bà T số tiền vay gốc là 70.000.000 đồng (bảy mươi triệu đồng), lãi là 29.764.384 đồng (hai mươi chín triệu, bảy trăm sáu mươi bốn nghìn, ba trăm tám mươi bốn đồng).

Kể từ ngày bà T có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí:

Hoàn trả cho bà T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.750.000 đồng (một triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0007875, ngày 03/03/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng.

Bị đơn ông Phũ Ephải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 4.988.000 đồng (bốn triệu chín trăm tám mươi tám nghìn đồng).

3. Về quyền kháng cáo: Báo cho các bên đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày, bà T tính kể từ ngày tuyên án (ngày 17/5/2023). Bị đơn ông Phũ Etính từ ngày nhận được tổng đạt hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh KG;
- VKSND huyện GR;
- Thi hành án huyện GR;
- UBND xã;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Văn Hôm